

ĐỀ MINH HỌA
(Đề thi có 06 trang)

Môn thi: Địa lí
Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. CÂU HỎI NHIỀU LỰA CHỌN (2,0 điểm)

Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng/đúng nhất và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

TỔNG TRỊ GIÁ VÀ CƠ CẤU XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2018 VÀ NĂM 2022

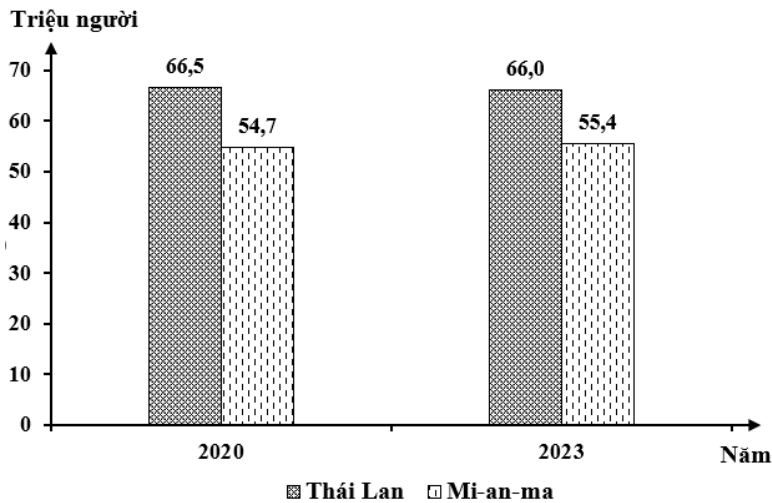
Năm		2018	2022
Tổng trị giá xuất nhập khẩu (tỉ USD)		448,9	598,8
Cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	- Xuất khẩu	48,8	54,0
	- Nhập khẩu	51,2	46,0

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

Để thể hiện quy mô và cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của In-đô-nê-xi-a năm 2018 và năm 2022, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột B. Tròn C. Đường D. Kết hợp

Câu 2. Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ MI-AN-MA NĂM 2020 VÀ 2023

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Mi-an-ma?

- A. Số dân của Mi-an-ma nhiều hơn Thái Lan.
B. Số dân của Thái Lan nhiều hơn Mi-an-ma.
C. Số dân của Thái Lan tăng nhanh hơn Mi-an-ma.
D. Số dân của Mi-an-ma giảm nhanh hơn Thái Lan.

Câu 3. Hướng phát triển nông nghiệp chủ yếu ở khu vực Đông Nam Á hiện nay là

- A. phát triển sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.
- B. tăng cường hợp tác, liên doanh để tạo ra nhiều mặt hàng.
- C. nâng cao chất lượng sản phẩm, thu hút đầu tư.
- D. nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp xanh.

Câu 4. Ở khu vực Đông Nam Á, sự phân bố dân cư chưa hợp lý **không** ảnh hưởng đến khía cạnh nào sau đây?

- A. Khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên
- B. Sử dụng hiệu quả nguồn lao động
- C. Giải quyết việc làm
- D. Làm chậm già hóa dân số

Câu 5. Vị trí địa lí nước ta nằm ở

- A. vùng nội chí tuyến bán cầu Nam.
- B. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- C. cách Xích đạo 10^0 vĩ tuyến.
- D. cách chí tuyến Bắc 10^0 vĩ tuyến.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU DÂN SỐ NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC THÀNH THỊ
VÀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010 - 2023**

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2021	2023
Thành thị	28,3	31,2	36,7	38,1
Nông thôn	71,7	68,8	63,3	61,9

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015 và 2023, NXB Thống kê)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu dân số phân theo khu vực thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 2010 - 2023, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền
- B. Tròn
- C. Đường
- D. Kết hợp

Câu 7. Vùng nào có mật độ dân số cao nhất nước ta hiện nay?

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 8. Ngành viễn thông nước ta phát triển theo hướng nào sau đây?

- A. Phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên
- B. Đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu
- C. Phát huy hiệu quả chuỗi cung ứng và lưu thông
- D. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đầu tư công nghệ cao

Câu 9. Hạn chế đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động thấp.
- B. cơ sở hạ tầng lạc hậu, thiếu đồng bộ.
- C. tỉ lệ dân nhập cư cao gây sức ép về an sinh xã hội.
- D. khoa học – công nghệ chưa gắn với đổi mới, sáng tạo.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

**TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
THEO GIÁ HIỆN HÀNH PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2021**

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Vùng	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	Các vùng khác
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	4407,8	1143,1	1224,2	834,9	1205,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng trị giá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành của các vùng so với cả nước? (Kết quả được làm tròn đến một chữ số thập phân)

- A. Đồng bằng sông Hồng chiếm 25,9%.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 19,8%.
- C. Đông Nam Bộ chiếm 28,7%.
- D. Các vùng khác chiếm 29,8%.

PHẦN II. CÂU HỎI ĐÚNG/SAI (4,0 điểm)

Mỗi câu hỏi gồm phần dẫn và 04 mệnh đề. Trên phiếu trả lời, thí sinh tô vào **Ⓓ** đối với mệnh đề Đúng và tô vào **Ⓔ** đối với mệnh đề Sai.

Câu 11. Cho thông tin:

Địa hình của miền thấp dần theo hướng tây bắc – đông nam được nhận biết rất rõ theo hướng chảy của mạng lưới sông ngòi và sự thấp dần của các bề mặt san bằng cổ với các bậc: 1 300 - 1 600m, 900 - 1 000m, 300 - 500m, tới vùng trung du với các bán bình nguyên có độ cao dưới 100m và vùng đồng bằng châu thổ có độ cao từ 0 - 25m.

- a. Nội dung trên thể hiện đặc điểm địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- b. Địa hình đồi núi cao chiếm ưu thế.
- c. Sinh vật phổ biến là các loài cận nhiệt đới, xen kẽ một số loài nhiệt đới.
- d. Việc khai thác thế mạnh của miền chủ yếu để trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp cận nhiệt, ôn đới.

Câu 12. Cho thông tin:

Dân số trung bình của Việt Nam năm 2023 đạt 100,3 triệu người, tăng 841,3 nghìn người, tương đương với 0,85% so với năm 2022. Trong đó, số dân thành thị là 38,2 triệu người, số dân nông thôn là 62,1 triệu người; dân số nam là 50 triệu người, dân số nữ là 50,3 triệu người.

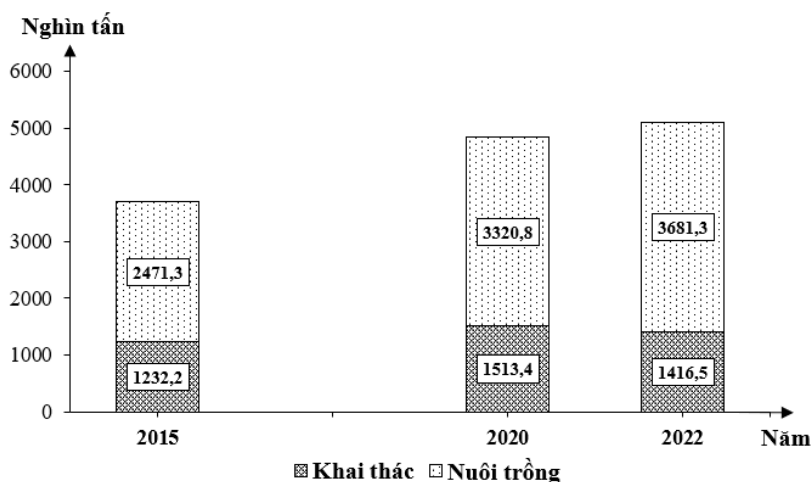
- a. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta năm 2023 đạt 0,85%.
- b. Tỉ lệ dân số nam cao hơn so với dân số nữ.
- c. Tỉ lệ dân số nông thôn chiếm 38,1%, thành thị chiếm 61,9%.
- d. Tỉ lệ gia tăng dân số ở Việt Nam có xu hướng giảm dần, nhưng số dân vẫn tăng.

Câu 13. Cho thông tin:

Ở nước ta, ngành công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên được bắt đầu từ thế kỉ XX. Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên những năm gần đây có nhiều biến động. Khai thác dầu thô và khí tự nhiên chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam. Hiện nay, hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến đã được áp dụng công nghệ hiện đại.

- Sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên tăng liên tục.
- Tổ hợp các nhà máy khí – điện – đạm phân bố chủ yếu ở phía Nam.
- Công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên phát triển theo hướng tăng cường chế biến sâu, đảm bảo nguồn năng lượng quốc gia.
- Khai thác dầu thô và khí tự nhiên phân bố đều ở vùng ven biển từ Bắc vào Nam.

Câu 14. Cho biểu đồ:



**BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG
CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2015 - 2022**

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015 và 2023, NXB Thống kê)

- Năm 2022, tổng sản lượng thủy sản của vùng là 4 834,2 nghìn tấn.
- Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn so với nuôi trồng.
- Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn chiếm ưu thế trong cơ cấu sản lượng thủy sản.
- Hoạt động nuôi trồng thủy sản của vùng phát triển theo hướng sản xuất công nghiệp, công nghệ cao, đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN
PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI Ở NƯỚC TA NĂM 2021**

Ngành vận tải	Số lượt hành khách luân chuyển (Triệu lượt khách.km)	Số lượt hành khách vận chuyển (Triệu lượt khách)
Đường sắt	639,8	1,4
Đường bộ	78 029,6	2 306,4
Đường thủy	1 203,3	196,9
Đường hàng không	13 932,6	15,1
Tổng số	93 805,3	2 519,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

- a. Số lượt hành khách luân chuyển theo đường bộ chiếm 83,2%.
 - b. Số lượt hành khách vận chuyển theo đường sắt nhỏ nhất, là 450 km, chiếm 0,6%.
 - c. Cự li vận chuyển hành khách trung bình bằng đường bộ là 338,0 km.
 - d. Cự li vận chuyển hành khách trung bình bằng đường hàng không lớn nhất là 922,7 km.
- (Kết quả được làm tròn đến một chữ số thập phân)

PHẦN III. CÂU HỎI GHÉP ĐÔI (4,0 điểm)

Mỗi câu hỏi có hai cột. Với từng nội dung ở cột bên trái, thí sinh chọn một phương án đúng/đúng nhất trong cột bên phải và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

Câu 16. Mỗi địa phương dưới đây có đặc điểm khí hậu như thế nào?

<ul style="list-style-type: none"> a. Lạng Sơn b. Hà Nội c. Thừa Thiên Huế d. Cà Mau 	<ul style="list-style-type: none"> 1) Tổng số giờ nắng 1 916 giờ, nhiệt độ trung bình năm 25,1⁰C, lượng mưa trung bình năm 2 936 mm, biên độ nhiệt năm 8 - 9⁰C. 2) Tổng số giờ nắng 1 561 giờ, nhiệt độ trung bình năm 21,3⁰C, lượng mưa trung bình năm 1 318 mm, biên độ nhiệt năm cao nhất so với cả nước. 3) Tổng số giờ nắng 1 489 giờ, nhiệt độ trung bình năm 23,9⁰C, lượng mưa trung bình năm 1 670 mm, biên độ nhiệt năm trên 10⁰C. 4) Tổng số giờ nắng 2 445 giờ, nhiệt độ trung bình năm 28,1⁰C, lượng mưa trung bình năm 1 954 mm, biên độ nhiệt năm lớn. 5) Tổng số giờ nắng 2 186 giờ, nhiệt độ trung bình năm 27,1⁰C, lượng mưa trung bình năm 2 394 mm, biên độ nhiệt năm nhỏ. 6) Tổng số giờ nắng 1 961 giờ, nhiệt độ trung bình năm 29,2⁰C, lượng mưa trung bình năm trên 3 000 mm, biên độ nhiệt năm lớn.
--	---

Câu 17. Các biện pháp đối với vấn đề dân cư, dân tộc, lao động, việc làm, đô thị hóa ở nước ta hiện nay tập trung vào khía cạnh nào?

<ul style="list-style-type: none"> a. Dân cư b. Dân tộc c. Việc làm d. Đô thị hóa 	<ul style="list-style-type: none"> 1) Phát triển mạnh các ngành công nghiệp trọng điểm, ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất. 2) Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý, phù hợp với từng vùng, miền. 3) Đẩy mạnh phát triển kinh tế, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động. 4) Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thúc đẩy sự phân bố hợp lý. 5) Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người. 6) Tuyên truyền vận động thanh niên kết hôn sớm, trước 25 tuổi.
---	--

Câu 18. Các yếu tố tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thuận lợi cho việc phát triển các ngành kinh tế nào?

<ul style="list-style-type: none"> a. Địa hình đa dạng, diện tích rộng lớn b. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao c. Nhiều hệ thống sông lớn, đặc biệt là hệ thống sông Hồng d. Giàu tài nguyên khoáng sản 	<ul style="list-style-type: none"> 1) Công nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản. 2) Nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc lớn, giao thông đường thủy nội địa. 3) Hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả có quy mô lớn. 4) Thủy điện, nuôi trồng thủy sản. 5) Trồng cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. 6) Trồng lương thực, thực phẩm và các cây công nghiệp ngắn ngày.
---	--

Câu 19. Các vùng kinh tế sau đây có thể mạnh tự nhiên như thế nào?

a. Đồng bằng sông Cửu Long	1) Địa hình đa dạng, đất feralit chiếm ưu thế, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh và có sự phân hóa rõ rệt theo đai cao.
b. Đồng bằng sông Hồng	2) Đất phù sa màu mỡ, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
c. Tây Nguyên	3) Địa hình chủ yếu là các cao nguyên và khối núi, đất badan điển hình, khí hậu có sự phân hóa theo mùa rõ rệt.
d. Đông Nam Bộ	4) Khí hậu mang tính chất cận xích đạo và có sự phân hóa theo mùa rõ rệt, mạng lưới sông ngòi và kênh rạch dày đặc. 5) Địa hình tương đối bằng phẳng, đất badan và đất xám phù sa cổ chiếm ưu thế, khí hậu mang tính chất cận xích đạo. 6) Địa hình thấp dần từ tây sang đông, khí hậu khô nóng, nhiều thiên tai, bão lũ.

Câu 20. Các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và công nghiệp dưới đây có ý nghĩa như thế nào?

a. Trang trại	1) Thu hút vốn đầu tư lớn, đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất công nghiệp, tạo nguồn hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
b. Vùng chuyên canh	2) Góp phần xây dựng năng lực nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao, tạo động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế.
c. Khu công nghiệp	3) Khai thác tối đa điều kiện sinh thái nông nghiệp ở mỗi vùng, tạo các vùng nguyên liệu lớn, chuyên môn hóa lao động.
d. Khu công nghệ cao	4) Nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và thu nhập cho nông dân, tạo ra giá trị sản lượng lớn cho thị trường. 5) Tận dụng lợi thế về điều kiện sinh thái, kinh tế - xã hội, ứng dụng chuyển đổi số vào sản xuất. 6) Tận dụng nguồn lao động và nguyên liệu tại chỗ, sản phẩm mang tính tự cung, tự cấp.

————— HẾT —————

Lưu ý:

- Thí sinh không sử dụng tài liệu, được sử dụng máy tính bỏ túi theo quy định;
- Giám thị không giải thích gì thêm.